

Văn Miếu Nam Kỳ thời nhà Nguyễn

Võ Nguyên Phong^{1*}

1. Đặt vấn đề

Văn Miếu là tên gọi ngắn gọn của Văn Thánh Miếu, còn gọi là miếu Tiên Sư hay Văn Thánh, đây là nơi thờ đức Khổng Tử, người được tôn vinh là Vạn thế sư biểu - Bậc thầy của muôn đời, ở những nước có nền văn hóa Nho giáo. Thời chúa Nguyễn với hành trình mở cõi phương Nam, cũng phát huy tinh thần trọng chữ thánh hiền, các Văn Miếu lần lượt được xây dựng cho từng khu vực phủ, dinh... Cho đến thời nhà Nguyễn, việc đặt quy chế xây dựng và tế lễ ở Văn Miếu trở thành rất quy củ trong điển lệ triều Nguyễn. Đến năm 1803 vua Gia Long cho thiết lập hệ thống Văn Miếu ở các dinh trấn toàn quốc, góp phần hoàn chỉnh từng bước hệ thống thờ tự Văn Miếu ở Việt Nam thời nhà Nguyễn, thời gian sau các Văn Miếu được hoàn thiện và là trở thành nơi tế tự quan trọng bậc nhất của chính quyền các tỉnh tại địa phương.

Nam Kỳ là vùng đất cuối cùng về phía nam được nhà Nguyễn dày công tạo dựng, khai phá, chinh đồn, lập làng để hình thành một miền đất trù phú ruộng đồng. Với xu thế phát triển đó, Nam Kỳ xây dựng hệ thống thành lũy và các thiết chế tín ngưỡng, trong đó hệ thống Văn Miếu nổi bật và là nơi tế tự quan trọng bậc nhất cho mỗi tỉnh. Trải qua một thời gian dài sử dụng và phế bỏ, đến nay không còn nhiều Văn Miếu thời nhà Nguyễn tại Nam Kỳ còn tồn tại, thậm chí một số Văn Miếu mất hoàn toàn dấu tích và hoặc không có thông tin. Để làm rõ các công trình với danh xưng Văn Thánh Miếu với quy mô hàng tỉnh ở các tỉnh Nam Kỳ xưa, việc khảo sát và hệ thống thông tin các công trình này là một công việc cần thiết.

2. Văn Miếu ở Nam Kỳ

Văn Miếu Biên Hòa hay còn gọi Văn Miếu Trấn Biên nằm ở khu vực thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày. Văn Miếu Trấn Biên là công trình tín ngưỡng lớn được xây dựng sớm nhất ở Nam Kỳ ở buổi ban đầu lập đất, theo Gia Định thành thông chí “*Văn Miếu: Ở địa phận thôn Bình Thành và thôn Tân Lại huyện Phước Chánh, cách phía tây trấn 2 dặm rưỡi. Đòi vua Hiên Tôn năm Ất Vị thứ 25 (1715) Trấn thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Phan Long, Ký lục Phạm Khánh Đức lựa chỗ đất dựng lên ban đầu, phía nam hướng đến sông Phước, phía bắc dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt*”². Trong chính sử của Đại Nam thực lục cũng ghi chép

^{1*} Thạc sĩ. Email: phongvn.ciscom@gmail.com

² Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí - Tập Hạ*, Nha Văn hóa - Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1972, trang 108.

tương tự “[Tháng 3 năm Ất Mùi (1715)] *Sai dinh Trấn Biên dựng Văn miếu, giao cho Trấn thủ Nguyễn Phan Long, Ký lục Phạm Khánh Đức trông coi công việc (Miếu ở địa phận hai thôn Bình Thành và Tân Lại huyện Phúc Chính, đằng trước kê sông Phúc Giang, đằng sau gối núi Long Sơn)*”³. Qua mô tả này cho thấy Văn Miếu Trấn Biên đặt ở thôn Tân Lại và Bình Thành, hai thôn này nằm phía tây thành phố Biên Hòa ngày nay. Năm 1836 hai thôn Bình Thành và Tân Lại giáp nhau, thôn Tân Lại phía tây và thôn Bình Thành phía đông, giáp phần còn lại: Phía tây giáp phường Bạch Khôi, phía đông là phường Bình Trục, thôn Tân Lâm; phía bắc là thôn Bình Điện, phường Bạch Khôi; phía nam là sông lớn và thôn Tân Lâm. Như vậy khu vực Văn Miếu Trấn Biên định vị sơ bộ gần khúc rẽ dòng gấp của sông Đồng Nai.

Để xác định chính xác vị trí Văn Miếu Trấn Biên, tham khảo mô tả chi tiết của Hoàng Việt nhất thống dư địa chí “[Từ bến trước cửa trấn thành] 1.020 tầm, hai bên đều có dân cư nhưng thưa thớt, thổ sản ở vùng này là cau trầu và mía. Đến điện Văn Thánh, điện ở phía bờ bắc do tiền triều lập ra, năm Quý Sửu (1793) quan đặc mệnh bộ Lễ là Điển Chương hầu tu sửa mới lại bằng tường gạch mái ngói, trông rất đẹp mắt, theo lệ quốc tế vào ngày Đinh hai kỳ xuân thu, lễ sinh gồm 50 người, tù phu thì đã có dân phụ lữ. Mặt trước miếu trông ra sông lớn, mặt, mặt sau tựa vào núi cao, là thắng cảnh thứ nhất của Trấn Biên”⁴. Ở đây cần xác định mốc Bến trước Trấn thành và Văn Miếu nằm cách Bến trước Trấn thành 1.020 tầm tức 2,16 km. Một đoạn mô tả khác cho biết Bến trước Trấn thành [Biên Hòa] nằm cách ngã ba Rạch Cát một đoạn là 821 tầm (khoảng 1,74 km) “[Từ bến trước cửa trấn thành] 53 tầm, bên bờ bắc là nhà quan và trại lính rất đông đúc, bờ nam thì dân cư thưa thớt, đất trồng nhiều dâu và mía, đến chợ thôn Tân Lâm, chợ ở phía bờ bắc, tục gọi là chợ Bàn Lăn (?), quán xá rất đông đúc, người buôn bán rất tấp nập. 768 tầm, phía bờ bắc là nhà quan trại lính đông đúc, ... Đến ngã ba Rạch Cát”⁵. Đo đạc từ ngã ba Rạch Cát về thượng lưu sông, với cự ly 1,74 km thì Bến trước Trấn thành nằm ở khoảng đầu đường Phan Chu Trinh, phía tây chợ Biên Hòa ngày nay. Đây là Bến trước Trấn thành dinh Trấn Biên thời điểm đó. Đo cự ly từ Bến trước Trấn thành lên đến vị trí Văn Miếu là 2,16 km thì khu vực Văn Miếu Trấn Biên ở khoảng hạ lưu chùa Phổ Hiền hoặc tại đó. Văn Miếu Trấn Biên chắc chắn nằm ở gần bờ sông vì theo Hoàng Việt nhất thống dư địa chí (1806) “Mặt trước miếu trông ra sông lớn, mặt, mặt sau tựa vào núi cao”; theo Gia Định thành thông chí (1820) “phía nam hướng đến sông Phước, phía bắc dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt”; theo chính sử trong Thực lục thì

³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 133.

⁴ Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, NXB Thuận Hóa, 2005, trang 295.

⁵ Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, NXB Thuận Hóa, 2005, trang 300.

“*đăng trước kê sông Phúc Giang, đăng sau gối núi Long Sơn*”; theo Đại Nam nhất thống chí (1909) “*Phía nam sát sông Phước Giang, phía bắc dựa núi Long Sơn, là thắng cảnh bậc nhất của Trấn Biên*”⁶. Như vậy tất cả tư liệu đều chỉ hướng Văn Miếu nằm gần sông, việc còn lại xác định núi Long Sơn ở đâu? Trên thực tế có hai ngọn núi phía tây Biên Hòa, theo Gia Định thành thông chí thì đó là núi Long Ân và núi Bửu Phong (có chùa Bửu Phong), trong đó núi Long Ân là bình phong cho Văn Miếu “*Núi Long Ân: Ở phía tây trấn bốn dặm rưỡi, đất đá nguy nga, cây cối tươi tốt, làm bình phong san cho Văn Miếu, thế núi quanh co hùng vĩ, dưới lại có đá thủy tinh*”⁷. Theo đó thì núi Long Ân là núi nằm ở phía tây nam; núi Bửu Phong nằm về phía đông bắc, có chùa Bửu Phong và là hộ vệ cho núi Long Ân. Như vậy có thể xác định núi Long Sơn chính là núi Long Ân đã xác định, và theo xác định ở trên thì vị trí Văn Miếu gối đầu về núi Long Ân là phù hợp. Văn Miếu Trấn Biên có cuộc đất rất đẹp và thoáng đạt, lấy đồi Hóa An làm tiền án, núi Long Ân làm hậu chẩm, tả long là cù lao Phô, hữu hổ là cù lao Rùa, sông Đồng Nai chảy trước mặt làm minh đường. Như vậy so sánh với vị trí Văn Miếu Trấn Biên vừa mới xây dựng từ năm 2002 cho thấy nền móng hai công trình là khác nhau.

Đến năm 1794 tu sửa lại Văn Miếu, qua đó cho chúng ta thấy quy mô công trình lúc bấy giờ “[Tháng Giêng năm Giáp Dần] *Sửa lại Văn Miếu. Miếu ở dinh Trấn Biên, do Hiển tông Hiếu minh hoàng đế dựng, lâu năm đổ nát, nay nhân nền cũ mà sửa sang lại. Sai Lễ bộ Nguyễn Đô trong coi công việc. Thế chế thì ở giữa là điện Đại Thành, cửa Đại Thành, bên đông là Thần Khố, bên tây là đền Dục Thánh, bên tả là cửa Kim Thanh, bên hữu là cửa Ngọc Chấn, phía trước dựng các Khuê Văn, treo chuông trống ở trên, bên tả là nhà Sùng Văn, bên hữu là nhà Dục Lễ, xung quanh có thành vuông, trước là cửa Văn Miếu và hai cửa Nghi môn tả hữu*”⁸. Qua đoạn mô tả trên chúng ta thấy quy mô miếu rất lớn và quy củ, khá giống cấu trúc Văn Miếu kinh thành. Điều này là phù hợp vì lúc này Văn Miếu Trấn Biên là Văn Miếu kinh đô của chúa Nguyễn ở giai đoạn này. Cũng giai đoạn này theo Đại Nam nhất thống chí thì mô tả tương tự và thêm phần đền Khải Thánh ở phía tây. Sau khi lập quốc 1802, Gia Long chuyển kinh đô về Huế nên Văn Miếu kinh thành trở thành nơi tế tự của vua. Như vậy theo thời gian Văn Miếu Trấn Biên trở thành Văn Miếu Biên Hòa, đến năm 1852 thì cũng như các Văn Miếu hàng tỉnh khác, Văn Miếu Biên Hòa được sửa chữa và quy mô giống như các tỉnh khác “*Năm Tự Đức thứ năm (1852), cho tu bổ một tòa*

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 2*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 1655.

⁷ Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí - Tập Thượng*, Nha Văn hóa - Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1972, trang 13

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 306.

*Văn Miếu, Tiền đường và Chính đường đều năm gian, lại cất thêm hai nhà Tả Vu, Hữu Vu mỗi nhà năm gian, một nhà kho để đồ tự khí có ba gian, một các Khuê Văn hai tầng ba gian hai chái, bức biển Đại Thành Điện trước cửa đối là Văn Miếu Điện, Khải Thánh Điện đối thành Khải Thánh Từ*⁹. Như vậy so với các tỉnh, Văn Miếu Trấn Biên có thêm Khuê Văn Các hai tầng ba gian hai chái, ngoài ra còn có một thần khố và rất có thể có thêm khu nhà bếp khá nhỏ nên không ghi chép theo điển lệ. Còn lại các tòa nhà khác và cả biển hiệu đều giống các tỉnh theo quy định. Một chú ý rằng khi Văn Miếu ở hàng tỉnh thì các danh xưng “Đại Thành Điện” và “Khải Thánh Điện” không được sử dụng, điều này rất rõ ở Văn Miếu Biên Hòa. Năm 1859, liên quân Pháp Tây Ban Nha nổ súng đánh Nam Kỳ, đặc biệt sau ngày 18/12/1861 thành Biên Hòa rơi vào tay liên quân, các thiết chế về chính quyền Nam triều bị tan vỡ tại đây và người Pháp đã thiết lập chế độ thuộc địa ở Nam Kỳ. Đến năm 1863 theo báo cáo của các ông Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Đức Tánh thừa khai tình hình ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa và Định Tường thì có nói nhà Văn Miếu Biên Hòa đã bị cô đạo chiếm dụng làm nơi sinh hoạt tôn giáo “*Văn Miếu vẫn còn nhưng các cố đạo chiếm cứ để làm giáo đường*”¹⁰. Không rõ việc chiếm cứ này diễn ra bao lâu, tuy nhiên có thể chỉ trong một thời gian ngắn, vì đến năm 1863 thì nhà thờ tại giáo xứ Biên Hòa được xây dựng. Như vậy vì không còn hưởng sự bảo vệ và duy tu hàng năm từ ngân sách quốc gia như trước, vì nằm trong chế độ thuộc địa cùng một giai đoạn phát triển chữ quốc ngữ, tinh thần Nho giáo xuống rất thấp nên rất ít người còn quan tâm chăm sóc nên rất có thể di tích nhanh chóng xuống cấp. Đến năm 1881 theo bản đồ Plan topographique de l’arrondissement de Bien-Hoa thì khu vực đã thấy xuất hiện Nhà máy (Usine) tại đây và có thể Văn Miếu vẫn còn nhưng xuống cấp. Đến năm 1884 qua thông tin của Raoul Postel - cựu quan tòa Sài Gòn, mô tả về tòa Văn Miếu Biên Hòa khi ông ta đến viếng thăm, cho thấy công trình này vẫn còn nhưng khá điêu tàn, đặc biệt kiến trúc khá phù hợp với lần tu sửa năm 1852 “*Xung quanh Biên Hòa, trong một ngôi làng mà tôi quên mất tên, có một ngôi đền thờ Khổng Tử, một ngôi đền duy nhất mà tôi tin chắc còn tồn tại ở Nam Kỳ. Cây đẹp che bóng mát cho nó; nhưng ngôi đền khá nghèo nàn, những người đi theo nhà hiền triết này không nhiều. Kiến trúc của đền không phong phú và các hoa văn trang trí ngẫu hứng tô điểm cho nó không chỉ thiếu các ý tưởng về sự hoành tráng, mà còn ở ý tưởng về sự thống nhất. Nó bao gồm một loạt các hành lang sơ sài, liên thông với nhau qua các sân hiên tầm thường.*

⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 2*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 1655.

¹⁰ Tô Nam và Bùi Quang Tung dịch, “Ông Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Đức Tánh thừa khai tình hình ba tỉnh, Tự Đức năm 16 tháng 10 ngày 18 vang khai thể giặc”, *Tap san Sử Địa - Đặc khảo về Trương Công Định*, số 3 năm 1966, trang 156.

Chỉ riêng khu chính điện là cho thấy có sự hài hòa, may mắn là tách rời khỏi quần thể bị đổ nát của toàn bộ công trình. Dù vậy và thậm chí có thể vì nhân số ít và vì tiềm lực hạn hẹp của mình, nên các tín đồ Khổng Tử trong nước bị coi là cố chấp và cuồng tín. Họ nhìn chằm chằm vào tôi một cách nghi ngờ và tôi nghĩ rằng, với tư cách là một công chức tôi hẳn đã có thể thâm nhập vào trong “từng thánh nhân một”¹¹. Qua đây chúng ta nhận thấy Văn Miếu đã xuống cấp nhiều cho dù vẫn còn nhận được sự chăm sóc của người dân, vì đó là tín ngưỡng Nho giáo của họ. Về sau chúng ta không còn nghe hay đọc được bất cứ tư liệu mô tả về Văn Miếu, rất có thể sau đó Văn Miếu Biên Hòa biến mất khi khu vực nhà máy (Usine) mở rộng quy mô đến đầu thế kỷ XX. Đến năm 2002, tức hơn 300 năm sau ngày dinh Trấn Biên dựng Văn Miếu, chính quyền tỉnh Đồng Nai đã tổ chức xây dựng lại Văn Miếu Trấn Biên, một chỉ dấu cho tinh thần đề cao việc học nhưng cũng tôn vinh hành trình mở cõi phương Nam của người xưa, tuy nhiên nằm ở một vị trí khác khá thuận tiện và xét theo quan điểm hiện đại thì phù hợp hơn.

Gia Định là vùng đất lập khá sớm của chính quyền thời Nguyễn, từ Gia Định Kinh rồi đến Gia Định thành với nhiều công trình lớn được xây dựng như đền Hiên Trung, miếu Hội Đồng,... nhưng Văn Miếu lại xây dựng rất muộn “*Văn Miếu: Ở địa phận thôn Phú Mỹ huyện Bình Dương, phía đông tỉnh thành, thờ Tiên thánh Khổng Tử, quy mô rộng rãi, phía hữu dựng miếu Khải Thánh, dựng năm Minh Mạng thứ năm (1824)*”¹², đồng thời theo thông tin từ Thực lục thì cũng là năm Giáp Thân (1824) “[Tháng 7 năm Giáp Thân] *Dựng Văn Miếu thành Gia Định (Miếu ở thôn Phú Mỹ huyện Bình Dương)*”¹³. Tuy nhiên theo nội dung văn bia khắc ở Văn Miếu Vĩnh Long của Phan Thanh Giản thì cho biết năm xây dựng là Minh Mạng thứ 6 (1825) “*Minh Mạng năm thứ sáu (1825) mới chọn khoảnh đất của huyện Bình Dương thuộc về thành cũ để dựng riêng Văn Miếu mà các trấn đều chưa có vậy*”¹⁴. Rất có thể năm bắt đầu xây dựng là năm 1824 và hoàn thành vào năm 1825, có lẽ sự sai khác thời gian chỉ do đặt mốc bắt đầu hay hoàn thành công trình. Căn cứ mô tả “phía đông tỉnh thành” cho thấy Văn Miếu nằm ở phía bắc rạch Thị Nghè, thuộc thôn Phú Mỹ mà về sau là thôn Phú An, nay thuộc khu vực Phường 22, quận Bình Thành. Qua khảo sát

¹¹ Raoul Postel, *Sur les bords du Mé-Không*, Paris, Librairie Générale de Vulgarisation, 1884, trang 34-35.

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 2*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012, trang 1689.

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 2*, NXB Giáo dục 2006, trang 367.

¹⁴ Mai Sơn, “Bài văn bia ở miếu Văn Thánh Vĩnh Long do Phan Thanh Giản soạn”, *Tạp chí Sử Địa - Đặc khảo về Phan Thanh Giản (1796-1867)*, số 7+8, năm 1967, trang 235.

các tư liệu, đặc biệt thông tin từ bản đồ Plan du port de Saigon¹⁵ (Bản đồ cảng Sài Gòn do Evidanlin và G.Heraud, kỹ sư thủy văn vẽ năm 1863 theo lệnh của Chuẩn đô đốc La Grandière - Thống đốc Nam Kỳ, Chỉ huy trưởng), có thể hiện một công trình triều đình nằm sát bờ sông Sài Gòn với dòng chữ “Ruine d’une pagode royale”, tạm dịch Tàn tích chùa hoàng gia, đó chính là Văn Miếu Gia Định. Một mô tả khác cũng khá rõ về vị trí Văn Miếu Gia Định, đó là những trang viết của Trương Vĩnh Ký qua bài viết Ký ức lịch sử về Sài Gòn và vùng phụ cận. Đây là một bài diễn văn của Trương Vĩnh Ký bình bày tại trường Thông ngôn vào năm 1885, ông mô tả khá kỹ Sài Gòn xưa với nhiều công trình cổ, trong đó có phần Văn miếu như sau “Giữa nơi ấy và bờ sông Sài Gòn, ở cửa rạch Thị Nghè vươn lên tòa miếu lớn, đó là nơi thờ Khổng Tử”¹⁶. Chi tiết mô tả này trùng hợp với vị trí đã xác định theo bản đồ năm 1863 ở trên.

Văn Miếu Gia Định trở thành tàn tích bởi người Pháp đã cho tháo dỡ về làm tòa công sở, nội dung theo báo cáo năm 1863 của ông Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Đức Tánh thừa khai tình hình ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa và Định Tường thì có nói nhà Văn Miếu đã bị dỡ để làm nha phủ Tân Bình “*quân mã tà mộ binh thì tập bắn thứ súng chim, nhà Văn Miếu đã gỡ đem về thôn Tân Khai để dựng phủ nha Tân Bình, ...*”¹⁷. Như vậy đến năm 1863, Văn Miếu Gia Định đã không còn, từ đây công trình chỉ còn lại nền móng mà xác nhận theo bản đồ Plan du port de Saigon thì vị trí chỉ còn tàn tích, theo thời gian thì đã mất hoàn toàn. Xác định vị trí ngày nay Văn Miếu Gia Định nằm ở vị trí phía tây đầu Bắc cầu Thủ Thiêm 1, chính xác là phần phía Đông ở sân gôn HimLam Driving Range. Vị trí này cách chùa Văn Thánh ngày nay hơn 500 mét và nằm sát bờ sông, như vậy rất có thể chùa Văn Thánh ban đầu nằm ở khu vực Văn Miếu về sau mới di dời về vị trí hiện nay nên mới được chép là hậu thân của Văn Miếu, cần khảo sát thêm để có những kết luận chuẩn xác hơn.

Ngày nay khu vực phía bắc rạch Thị Nghè còn tồn tại dày đặc địa danh Văn Thánh như khu du lịch Văn Thánh, chợ Văn Thánh, rạch Văn Thánh,... Đặc biệt chùa Văn Thánh nằm kề bên cầu Phú An, được cho là hậu thân của Văn Miếu Gia Định “*Hồi tưởng lại (việc) chùa Văn Thánh, bản tự vốn trước đây là chốn miếu*

¹⁵ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, *Số hồ sơ 2019*, “Cochinchine - Plan du port de Saigon”, Levé en 1863 d’après les ordres de Mr le Contre-Amiral de la Grandière, Gouverneur et Commandant en Chef, par M.M. F. Vidalin et G. Héraud, S. Ingénieurs-hydrographes. Dépôts des cartes et plans de la marine, 1866.

¹⁶ Trương Vĩnh Ký, *Souvenirs historiques sur Saïgon et ses environs: conférence faite au collège des interprètes*, Saigon Imprimerie coloniale, 1885, trang 28.

¹⁷ Tô Nam và Bùi Quang Tung dịch, “Ông Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Đức Tánh thừa khai tình hình ba tỉnh, Tự Đức năm 16 tháng 10 ngày 18 vang khai thế giặc”, *Tap san Sử Địa - Đặc khảo về Trương Công Định*, số 3 năm 1966, trang 153.

Thánh bản tỉnh, ...”¹⁸. Như đã biết chùa Văn Thánh nằm tại chân cầu Phú An, cách vị trí tọa lạc tòa Văn Miếu đã xác định khoảng 500m về phía tây. Vậy tại sao chùa Văn Thánh lại được cho là hậu thân của Văn Miếu Gia Định? Như đã nhận định ở trên, có thể chùa Văn Thánh ban đầu nằm ở vị trí Văn Miếu, về sau mới di chuyển về vị trí ngày nay tại chân cầu Phú An. Tra cứu bản đồ *Plan des environs de Saigon (Aout 1895) – Echelle 1:20.000* khu vực từ vị trí bờ sông Sài Gòn về đến cầu Phú An, hoàn toàn không có một đền chùa nào cả. Tra cứu bản đồ *Environs de Saigon (Edittion de Mars 1900) - Echelle 1:20.000* khu vực có một ngôi chùa tại vị trí gần bờ sông Gài Gòn, tức khu vực Văn Miếu xưa, đồng thời vị trí cầu An Phú chưa thấy xuất hiện chùa tại vị trí chùa Văn Miếu ngày nay. Tra cứu bản đồ *Plan de Saigon-Cholon (Edittion de Décembre 1923) – Echelle 1:10.000* thì chùa Văn Thánh ở vị trí hiện nay đã xuất hiện và vị trí chùa nằm ở bờ sông đã không còn tồn tại. Qua các thông tin từ các bản đồ theo thời gian, có thể phỏng đoán chùa Văn Thánh được hình thành sau năm 1895 và ban đầu đặt ở vị trí Văn Miếu cũ nên được gọi là chùa Văn Thánh, sau đó chùa được chuyển về vị trí cầu Phú An như đã thấy ngày nay trong khoảng thời gian từ năm 1900-1923.

Văn Miếu Vĩnh Long là tòa Văn Miếu duy nhất tại Nam Kỳ còn tồn tại đến ngày nay, cho dù rất có thể không còn nguyên gốc như ban đầu. Văn Miếu Vĩnh Long nằm ở làng Long Hồ, thuộc phường 4, thành phố Vĩnh Long. Văn Miếu Vĩnh Long có lẽ là Văn Miếu hàng tỉnh xây dựng muộn nhất và công trình Văn Miếu duy nhất không sử dụng quốc khố, theo Đại Nam nhất thống chí bản Tự Đức “*Văn miếu: Năm Tự Đức thứ 17 (1864), văn thân trong tỉnh làm riêng một ngôi đền ở thôn Long Hồ, huyện Vĩnh Bình, phía đông nam tỉnh thành*”¹⁹. Điều này được xác nhận theo văn bia trong Văn Thánh Miếu Vĩnh Long do cụ Phan Thanh Giản soạn cũng cho biết “*Rời đến năm thứ 15 (1862) quan đề học Nguyễn Thông bèn họp thân sĩ để tính công việc, chọn được nơi ở cách phía đông tỉnh thành chừng hơn 2 dặm, đất ấy thuộc thôn Long Hồ phía trước trông xuống trường giang, phía sau tựa vào gò đồng, hai bên rừng rậm bao quanh địa thế có phần u tĩnh, bói xăm được tốt, bèn bố cáo lên thượng ty, để dựng miếu thờ Tiên Sư Khổng Tử khởi công từ năm thứ 17, Giáp Tý (1864) mãi đến cuối mùa thu năm nay (1866) mới hoàn thành*”²⁰. Qua mô tả này cho biết Nguyễn Thông là người khởi xướng và họp bàn cùng nho sĩ để dựng công trình. Chi tiết hơn, theo sách Vĩnh Long nhân vật chí cho biết “*Hội tổ chức việc lập Miếu ấy là những*

¹⁸ Phạm Ngọc Hường, *Văn bia Hán Nôm thành phố Hồ Chí Minh Khảo cứu và giới thiệu*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2020, trang 314.

¹⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 5*, NXB Thuận Hóa 2006, trang 170.

²⁰ Mai Sơn, “*Bài văn bia ở miếu Văn Thánh Vĩnh Long do Phan Thanh Giản soạn*”, *Tạp chí Sử Địa - Đặc khảo về Phan Thanh Giản (1796-1867)*, số 7+8, năm 1967, trang 235-236.

quan cựu trào ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, với hương chức và nhơn dân đậu lại đặng số tiền 30.000 quan, đều đem dùng vào việc cất Văn Thánh”²¹. Cũng theo tư liệu này thì những người đứng ra lập Văn Miếu gồm quan Tuần vũ tỉnh Hà Tiên Lê Nguyên, Đốc học tỉnh Vĩnh Long Nguyễn Thông, Án sát tỉnh An Giang Phạm Hữu Chánh, các quan phủ huyện và thân hào chí sĩ, tất cả là 78 người.



Hình 4. Tam quan Văn Miếu Vĩnh Long

Tuy nhiên trước đó vào năm 1848, đã có thông tin Văn Miếu tỉnh Vĩnh Long được xây dựng “[Tháng Giêng năm Mậu Thân] Mới dựng nhà Văn Miếu ở tỉnh Vĩnh Long”²². Như vậy năm 1848 đã dựng Văn Miếu Vĩnh Long, tại sao lại đến 1864 lại dựng nữa? Có phải vì Văn Miếu cũ đã bị triệt phá năm 1862 khi liên quân chiếm thành Vĩnh Long lần thứ nhất hay không? Theo thông tin từ văn bia của cụ Phan Thanh Giản đã giải quyết khúc mắc này “Đến khi đặt lại 6 tỉnh thì tỉnh Vĩnh Long mới tìm được một nơi ở thôn Tân Sơn để kiến trúc, vật liệu đã đủ, chỉ vì có sự trắc trở nên lại đình lại vào lúc nửa chừng”²³. Ở đây cụ Phan Thanh Giản cho biết đến khi đặt lại 6 tỉnh (năm 1832) thì tỉnh Vĩnh Long dựng Văn Miếu, tuy nhiên theo chính sử là năm 1848. Vị trí được chọn ở thôn Tân Sơn, theo địa bạ năm 1836 là thôn Tân Sơn, tổng Bình An, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn. Nay thôn Tân Sơn thuộc phần lớn xã Trường An và xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long. Không rõ vì trắc trở gì mà dù

²¹ Vĩnh Long tương tế hội, *Vĩnh Long nhân vật chí*, Saigon Imprimerie J. Viet, Aout 1925, trang XVIII.

²² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 7*, NXB Giáo dục 2007, trang 54.

²³ Mai Sơn, “Bài văn bia ở miếu Văn Thánh Vĩnh Long do Phan Thanh Giản soạn”, *Tạp chí Sử Địa - Đặc khảo về Phan Thanh Giản (1796-1867)*, số 7+8, năm 1967, trang 235.

đã chuẩn bị đầy đủ nhưng vẫn không thể xây Văn Miếu được, để phải đến năm 1864 và dựa vào phát động của đốc học Nguyễn Thông, Văn Miếu Vĩnh Long mới được xây dựng tại vị trí đến ngày nay và hoàn thành năm 1866.

Quy mô công trình xây dựng trên một diện tích khoảng 0,9 ha gồm một tòa chính đường ba gian hai chái, hai tòa Tả Vu và Hữu Vu kiểu một gian nằm hai bên; mặt tiền công trình hướng đông-đông bắc nhìn về sông Long Hồ; ngoài phía công và bên trái là tòa Văn Xương Các hai tầng; ngoài cùng là tam quan tất cả các kiến trúc đều theo mô thức cổ điển và đậm chất Á Đông. Tuy Văn Miếu Vĩnh Long dùng tiền quyên góp để xây dựng nhưng lại được hưởng điển lệ của Văn Miếu do tỉnh quản lý, theo thông tin từ văn bia của Phan Thanh Giản “*Sau khi công việc hoàn thành các quan của tỉnh nhà như Lãnh đốc Trương Văn Uyển; Bố chánh Nguyễn Văn Nhã; Án sát Võ Doãn Thanh, lại xin đặt 20 người thủ hộ để trông nom thánh miếu và mấy mẫu tự điền, được miễn thuế, cho việc thờ tự thêm phần chu đáo*”²⁴. Qua chi tiết này cho thấy sau khi Văn Miếu hoàn thành, các quan đầu tỉnh Vĩnh Long đã xin quy chế nhà Nguyễn đặt phu miếu (20 người) cùng ruộng hương hỏa cho Văn Miếu Vĩnh Long nhưng chỉ được một năm, đến năm 1867 thì Pháp chiếm toàn bộ Nam Kỳ và lúc này Văn Miếu được giao cho làng Minh Hương nhận trách nhiệm bảo vệ và cúng tế, người trực tiếp coi sóc là cụ bá hộ Trương Ngọc Lan. Như vậy có thể xem Văn Miếu Vĩnh Long là Văn Miếu hàng tỉnh dù không nhận tiền của từ công khó để xây dựng nhưng lại được nhận điển lệ của một Văn Miếu hàng tỉnh. Đến năm 1889 cụ Trương Ngọc Lan qua đời và Văn Miếu được giao cho làng Long Hồ coi sóc.

Đến năm 1901-1902 Phó tổng Bình Long là cụ Tổng Hữu Định lập hội Văn Thánh và huy động đóng góp kinh phí để trùng tu Văn Miếu, đến năm 1903 thì công tác trùng tu hoàn thành²⁵. Kiến trúc hiện nay của Văn Miếu Vĩnh Long là kết quả của lần trùng tu này. Năm 1968 chính quyền tỉnh Vĩnh Long lập Ủy ban chỉnh tu Văn Thánh Miếu²⁶ phục vụ công tác chỉnh tu Văn Miếu và Văn Xương Các. Qua một thời gian dài sử dụng, đến năm 2008 thị xã Vĩnh Long đã tổ chức trùng tu Văn Miếu một lần nữa và hoàn thành trong cùng năm.

Ở ba tỉnh còn lại là Định Tường, An Giang và Hà Tiên, có xây dựng Văn Miếu không? Theo Đại Nam nhất thống chí và thực lục thì ba tỉnh này chưa xây dựng công

²⁴ Mai Sơn, “Bài văn bia ở miếu Văn Thánh Vĩnh Long do Phan Thanh Giản soạn”, *Tạp chí Sử Địa - Đặc khảo về Phan Thanh Giản (1796-1867)*, số 7+8, năm 1967, trang 236.

²⁵ Mai Sơn, “Bài văn bia ở miếu Văn Thánh Vĩnh Long do Phan Thanh Giản soạn”, *Tạp chí Sử Địa - Đặc khảo về Phan Thanh Giản (1796-1867)*, số 7+8, năm 1967, trang 232.

²⁶ Trung tâm lưu trữ quốc gia II, *Hồ sơ số 29890*, “Hồ sơ về việc các tổ chức và cá nhân xin trùng tu, xây cất đền thờ, văn thánh miếu và cơ quan văn hoá năm 1968”, 1968.

trình Văn Miếu. Tuy nhiên cần biết rằng việc không xây dựng công trình Văn Miếu khác với việc không có tế tự Văn Miếu, hiểu rộng ra thì Văn Miếu là một công trình rất quy mô, trong khi tế tự Văn Miếu có thể đặt ở tại một tòa nhà Văn Miếu chuyên dụng làm nơi để tế tự của tỉnh đó (nơi nào chưa xây dựng Văn Miếu thì có) hoặc tại Văn Miếu đã xây dựng. Điều này được đưa ra sau khi căn cứ vào hai thông tin, 1. Năm 1803 vua Gia Long “*Sai các dinh trấn đều lập nhà Văn miếu*”²⁷; 2. Ba tỉnh Định Tường, An Giang, Hà Tiên là ba tỉnh không xây dựng công trình Văn Miếu, tuy nhiên theo điển lệ nhà Nguyễn thì ba tỉnh này cũng như các tỉnh khác, đều có bộ phận phục vụ Văn Miếu “*Tỉnh Định Tường: Lễ sinh hiệu ở Văn Miếu: 1 tự thừa, 12 lễ sinh. - Tỉnh An Giang: Lễ sinh hiệu ở Văn Miếu: 1 tự thừa, 15 lễ sinh. - Tỉnh Hà Tiên: Lễ sinh hiệu ở Văn Miếu: 1 tự thừa, 12 lễ sinh...*”²⁸. Như vậy điều này cho chúng ta biết dù không xây dựng công trình Văn Miếu nhưng ba tỉnh này vẫn có bố trí nhà Văn Miếu thờ cúng và ban lễ sinh phục vụ tế tự Văn Miếu. Có thể khẳng định việc tế tự Văn Miếu là việc thường xuyên của chính quyền trung ương và địa phương vào hàng năm, cho dù có công trình Văn Miếu hay không. Điều này được xác quyết một lần nữa khi căn cứ theo nội dung báo cáo năm 1863 của ông Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Đức Tánh thừa khai tình hình ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa và Định Tường thì có nói nhà Văn Miếu tỉnh Định Tường bị chiếm thành nhà giảng đạo “*Văn Miếu vẫn còn nhưng có đạo chiếm cứ làm nhà giảng đạo,...*”²⁹. Như vậy như đã nhận định ở trên, tỉnh Định Tường dù chưa xây dựng công trình Văn Miếu nhưng vẫn có nhà Văn Miếu để tế tự hàng năm xuân thu nhị kỳ. Suy rộng ra thì các tỉnh Hà Tiên và An Giang cũng tương tự tỉnh Định Tường, tuy nhiên chưa có các tư liệu mô tả các tòa nhà này nằm khu vực nào nên chưa thể xác định được cho từng nhà Văn Miếu các tỉnh này.

3. Thay lời kết

Với kết quả khảo sát ba Văn Miếu thuộc Nam Kỳ lục tỉnh, trong đó có ba Văn Miếu hàng tỉnh đã xây dựng là Biên Hòa, Gia Định và Vĩnh Long cho chúng ta thấy lịch sử xây dựng và biến đổi các tòa Văn Miếu ở đây. Các tỉnh còn lại là Hà Tiên, An Giang và Định Tường chưa xây dựng công trình Văn Miếu nhưng vẫn có nhà Văn Miếu để tế tự hàng năm.

Văn Miếu là một công trình rất đặc biệt, các công tác tế tự và xây dựng được nhà Nguyễn đặt thành điển lệ hết sức quy củ, từng bước các Văn Miếu hàng tỉnh thời

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - Tập 1*, NXB Giáo dục 2002, trang 546.

²⁸ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ - Tập 2*, NXB Thuận Hóa 1993, trang 174-175.

²⁹ Tô Nam và Bùi Quang Tung dịch, “Ông Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Đức Tánh thừa khai tình hình ba tỉnh, Tự Đức năm 16 tháng 10 ngày 18 vang khai thế giặc”, *Tap san Sử Địa - Đặc khảo về Trương Công Định*, số 3 năm 1966, trang 157.

nhà Nguyễn được xây dựng theo quy định và ngày càng hoàn chỉnh. Việc tuân thủ các quy định khá nghiêm ngặt, kể cả danh xưng công trình cũng tuân thủ theo quy định mà Văn Miếu Biên Hòa là ví dụ.

Chuyên khảo chưa khảo sát thiết chế xây dựng Văn Miếu và quy định tế tự. Các bước tìm hiểu sâu hơn về điển lệ về Văn Miếu sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về quy cách và khối lượng xây dựng công trình Văn Miếu cũng như cách thức tế lễ cho từng công trình.

V.N.P

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ - Tập 2*, NXB Thuận Hóa 1993.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, Tập 5*, NXB Thuận Hóa, 2006.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 2*, NXB Lao động – Trung tâm VHNN Đông Tây, 2012.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 1*, NXB Giáo dục, 2002.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Tập 2, 7*, NXB Giáo dục, 2006.
6. Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, NXB Thuận Hóa, 2005.
7. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí, Tập thượng, Tập hạ*, Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh phụ trách văn hóa, 1972.
8. Phạm Ngọc Hương, *Văn bia Hán Nôm thành phố Hồ Chí Minh Khảo cứu và giới thiệu*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2020.
9. Mai Sơn, “Bài văn bia ở miếu Văn Thánh Vĩnh Long do Phan Thanh Giản soạn”, *Tạp chí Sử Địa - Đặc khảo về Phan Thanh Giản (1796-1867)*, số 7+8, năm 1967.
10. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, *Hồ sơ số 29890*, “Hồ sơ về việc các tổ chức và cá nhân xin trùng tu, xây cất đền thờ, văn thánh miếu và cơ quan văn hoá năm 1968”, 1968.
11. Trung tâm lưu trữ quốc gia II, *Số hồ sơ 2019*, “Cochinchine - Plan du port de Saigon, Levé en 1863 d’après les ordres de Mr le Contre-Amiral de la Grandière, Gouverneur et Commandant en Chef, par M.M. F. Vidalin et G. Héraud, S. Ingénieurs-hydrographes. Dépôts des cartes et plans de la marine”, 1866.
12. Tô Nam và Bùi Quang Tung dịch, “Ông Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Đức Tánh thừa khai tình hình ba tỉnh, Tự Đức năm 16 tháng 10 ngày 18 vang khai thể giặc”, *Tạp san Sử Địa - Đặc khảo về Trương Công Định*, số 3 năm 1966
13. Vĩnh Long tương tế hội, *Vĩnh Long nhân vật chí*, Saigon Imprimerie J. Viet, Aout 1925.
14. Raoul Postel, *Sur les bords du Mé-Không*, Paris, Librairie Générale de Vulgarisation, 1884.